TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 08 – 8 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt
Ông Nguyễn Hoàng Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961.
2. Bà Đỗ Thị BH, sinh năm 1960.

Hiện nay bà Đỗ Thị BH bệnh tâm thần theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 207/2018/KLGĐTC ngày 25/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ.

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị BH: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 (Chồng bà BH).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích P có tham gia 02 dây hụi do bà BH làm chủ. Đến tháng 01/2018 bà BH tuyên bố vỡ hụi, sau khi đối chiếu bà BH còn nợ chị P số tiền 39.200.000 đồng. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 21/5/2019,

xác định bà BH chiếm đoạt của chị P số tiền 12.600.000 đồng, còn lại số tiền 26.600.000 đồng là tiền nợ dân sự. Ngoài ra, ngày 22/6/2017 (Âm lịch) bà BH có vay của chị P số tiền 49.000.000 đồng và chị P đã nhận 3 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã nhận, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Bích P yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị BH liên đới trả cho chị P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị BH, người đại diện hợp pháp của bà BH là ông B trình bày:

Bà Nguyễn Thị BH có làm chủ hụi vào thời điểm năm 2016, năm 2017 đến tháng 01/2018 thì bà BH tuyên bố vỡ hụi. Ông B chỉ biết bà BH tham gia hụi và làm chủ hụi nhưng việc mở hụi, hốt hụi và đóng hụi chết giữa bà BH và các hụi viên cụ thể như thế nào thì ông B không biết. Ngoài ra, việc bà BH mua lại hụi, vay tiền của các hụi viên thì ông B cũng không biết.

Hiện nay, bà BH bị bệnh tâm thần theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 207/2018/KLGĐTC ngày 25/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ nên ông B không xác định được hiện nay bà BH nợ những ai và nợ bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, ông B đồng ý sử dụng tài sản của gia đình đã bị kê biên trong vụ án hình sự và được thể hiện trong Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 21/5/2019 để trả nợ cho bà BH.

Ngoài ra, hiện nay ông Nguyễn Văn B đang bị bệnh tim không có khả năng trả các khoản nợ thay cho bà BH.

Nay ông Nguyễn Văn B không đồng ý liên đới với bà Đỗ Thị BH trả cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Với tư cách là người đại diện hợp pháp của bà BH thì ông B xác định bà BH đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà BH chấp hành án xong, trở về gia đình, minh mẫn và đi làm sẽ trả dần cho chị P số tiền nêu trên.

Với tư cách là người đại diện hợp pháp của bà BH thì ông B xác định khi bà BH chấp hành án xong hết bệnh và minh mẫn thì bà BH tự xác định có vay và đồng ý trả cho chị P số tiền là 49.000.000 đồng hay không thì bà BH tự quyết định.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Bản án số 13/2019/HS-ST ngày 21/5/2019 (Bản sao y).

- Kết luận giám định pháp y tâm thần số 207/2018/KLGĐTC ngày 25/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ; Công văn số 207.0/2018/PYTT ngày 25/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ (Bản photo).

- Biên bản làm việc ngày 03/4/2018 (Bản photo).

- Biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị BH ngày 03/4/2018, Biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị BH ngày 04/4/2018, Biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị BH

ngày 12/5/2018, Biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị BH ngày 31/5/2018 (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hụi"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị BH cùng cư trú tại ấp N, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị BH liên đới trả cho chị P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Xét thấy, Theo Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 207/2018/KLGĐTC ngày 25/10/2018 xác định tình trạng bệnh lý của bà BH như sau: Về y học: Trước, trong khi phạm tội thì đương sự không có bệnh lý tâm thần, sau khi phạm tội và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần là rối loạn phân ly (F44.8-ICD10); Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội đương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. Như vậy, tại thời điểm thỏa thuận vay tài sản, tham gia hụi và thực hiện các giao dịch về hụi thì chị P và bà BH đều có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi vay tài sản, tham gia hụi và thực hiện các giao dịch về hụi thì chị P và bà BH đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chị P và bà BH vay tài sản, tham gia hụi và thực hiện các giao địch về hụi được thực hiện trên cở sở tự nguyện của các bên, phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên việc vay tài sản, tham gia hụi và thực hiện các giao địch về hụi có giá trị về mặt pháp lý.

Trong quá trình, thực hiện giao dịch vay tài sản, tham gia hụi và thực hiện các giao dịch về hụi thì sau khi đối chiếu bà BH còn nợ chị P số tiền 88.200.000 đồng (trong đó tiền nợ hụi là 39.200.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng). Sau khi tuyên bố vỡ hụi, bà BH bị khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 21/5/2019 xác định bà BH chiếm đoạt của chị P số tiền 12.600.000 đồng. Đối với số tiền còn lại là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền nợ dân sự. Ngoài ra, tại Biên bản làm việc ngày 03/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Bình thể hiện bà

BH xác định chị P trình bày về các khoản tiền nợ nêu trên là đúng.

Tại Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 207/2018/KLGĐTC ngày 25/10/2018 xác định hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. Do đó, Tòa án đưa ông Nguyễn Văn B (chồng bà BH) là người đại diện hợp pháp của bà BH là phù hợp theo quy định.

Việc tham gia hụi và thực hiện các giao dịch về hụi được bà BH thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B và bà BH, nên khoản nợ hụi nêu trên là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 21/5/2019 thể hiện ông B đồng ý sử dụng tài sản của gia đình thực hiện nghĩa vụ trả cho cho các hụi viên. Do đó, chị P yêu cầu ông B và bà BH liên đới trả khoản nợ hụi nêu trên là phù hợp.

Từ những phân tích trên, chị Nguyễn Thị Bích P yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị BH liên đới trả cho chị P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Bà BH đã trả cho chị P 3 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng. Đối số tiền lãi đã nhận, chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B, ông B đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà BH không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án yêu cầu xem xét đối với khoản tiền lãi đã trả cho chị P. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Xét ý kiến của ông Nguyễn Văn B không đồng ý liên đới với bà Đỗ Thị BH trả cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Với tư cách là người đại diện hợp pháp của bà BH thì ông B xác định bà BH đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà BH chấp hành án xong, trở về gia đình, minh mẫn và đi làm sẽ trả dần cho chị P số tiền nêu trên.

Với tư cách là người đại diện hợp pháp của bà BH thì ông B xác định khi bà BH chấp hành án xong, hết bệnh và minh mẫn sẽ thì bà BH tự xác định có vay và đồng ý trả cho chị P số tiền là 49.000.000 đồng hay không thì bà BH tự quyết định.

Xét thấy, như phần phân tích nêu trên, ý kiến của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích P nên ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị BH phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429,

Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích P.

Buộc ông Nguyễn Văn B và Đỗ Thị BH liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền số tiền nợ hụi là 26.600.000 đồng và tiền vay là 49.000.000 đồng, tổng cộng là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B và Đỗ Thị BH liên đới phải chịu số tiền 3.780.000 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho chị Nguyễn Thị Bích P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.890.000 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0003791 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên